

Bản án số: 50/2024/DS-ST  
Ngày: 26 - 8 - 2024  
V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Minh Châu;
- Ông Phạm Thiện Bửu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024, về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (Gọi tắt là Ngân hàng);

Địa chỉ: Số A, đường T, quận H, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Minh B, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần C là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dư Minh T, chức vụ: Cán bộ phòng Tổng hợp Ngân hàng Thương mại Cổ phần C; địa chỉ tại số H, đường N, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 1021/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1 ngày 10/8/2022), (Có mặt);

- Bị đơn:

- Bà Huỳnh Hồng T1 (Chủ hộ kinh doanh H1), sinh năm 1992 (Vắng mặt không lý do);

2. Ông Nguyễn Phú H, sinh năm 1976 (Vắng mặt không lý do);  
Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 01 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dur Minh T trình bày: Bà Huỳnh Hồng T1 và ông Nguyễn Phú H có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh Đ theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01.177/2022-HĐCVHM/NHCT720-HUỖNH HỒNG TRẮNG ngày 05/10/2022, giữa Ngân hàng với bà Huỳnh Hồng T1 và ông Nguyễn Phú H, số tiền cho vay là 12.000.000.000đồng (Theo các giấy nhận nợ ngày 04/04/2023; 21/04/2023; 26/04/2023; 28/04/2023; 10/05/2023; 12/05/2023; 17/05/2023; 30/05/2023); thời hạn vay là 06 tháng (Thời hạn trả nợ gốc theo từng giấy nhận nợ, trả nợ lãi hàng tháng vào ngày 25); mục đích vay là bán hàng trang trí nội thất. Tính đến ngày 26/8/2024, bà Huỳnh Hồng T1 và ông Nguyễn Phú H còn nợ Ngân hàng số tiền vay còn thiếu gốc 8.970.989.532đồng, tiền lãi 1.109.593.018đồng, tổng cộng 10.080.582.550đồng và có thể chấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở bà Huỳnh Hồng T1 và ông Nguyễn Phú H trả nợ gốc và nợ lãi nhưng vẫn không thực hiện việc trả nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C yêu cầu bà Huỳnh Hồng T1 (Chủ hộ kinh doanh Hào Thiên P) và ông Nguyễn Phú H có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền vay còn thiếu gốc 8.970.989.532đồng, tiền lãi 1.109.593.018đồng, tổng cộng 10.080.582.550đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01.177/2022-HĐCVHM/NHCT720-HUỖNH HỒNG TRẮNG ngày 05/10/2022, kể từ ngày 27/8/2024 cho đến khi thi hành án xong; yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01.177/2022/HĐBĐ/NHCT720 ngày 05/10/2022 đã ký giữa bà Huỳnh Hồng T1, ông Nguyễn Phú H với Ngân hàng. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất diện tích 100m<sup>2</sup>, đất ở đô thị, thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 24, tọa lạc thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01.178/2022/HĐBĐ/NHCT720 ngày 05/10/2022 đã ký giữa bà Huỳnh Hồng T1, ông Nguyễn Phú H với Ngân hàng. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 214,1m<sup>2</sup>, trong đó: đất ở là 206,6m<sup>2</sup>, đất chuyên trồng lúa nước là 7,5m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 924, tờ bản đồ số 8, tọa lạc thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; quyền sử dụng đất diện tích 211,8m<sup>2</sup>, trong đó: đất ở là 204,3m<sup>2</sup>, đất chuyên trồng lúa nước là 7,5m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 925, tờ bản đồ số 8, tọa lạc thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; quyền sử dụng đất diện tích 1.952,8m<sup>2</sup>, đất chuyên trồng lúa nước, thuộc thửa số 817, tờ bản đồ số 8, tọa lạc thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; quyền sử dụng đất diện tích 217,7m<sup>2</sup>, trong đó: đất ở là 177m<sup>2</sup>, đất chuyên trồng lúa nước là 40,7m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 926, tờ bản đồ số 8, tọa lạc thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng

**Tháp**; quyền sử dụng đất diện tích 246,9m<sup>2</sup>, đất chuyên trồng lúa nước, thuộc thửa số 818, tờ bản đồ số 8, tọa lạc **thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**.

Trường hợp bà **Huỳnh Hồng T1** và ông **Nguyễn Phú H** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì cơ quan Thi hành án dân sự được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp xử lý hết các tài sản bảo đảm nêu trên mà vẫn không thu đủ nợ cho Ngân hàng thì bà **Huỳnh Hồng T1** và ông **Nguyễn Phú H** vẫn phải có trách nhiệm tiếp tục trả nợ và Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng chế, kê biên phát mãi các tài sản khác của bà **Huỳnh Hồng T1** và ông **Nguyễn Phú H** để thu hồi toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng đầy đủ, chính xác cho bà **Huỳnh Hồng T1** và ông **Nguyễn Phú H**, nhưng bà **Huỳnh Hồng T1** và ông **Nguyễn Phú H** không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, đồng thời bà **Huỳnh Hồng T1** và ông **Nguyễn Phú H** cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vay còn thiếu gốc 8.970.989.532đồng, tiền lãi 1.109.593.018đồng, tổng cộng 10.080.582.550đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 01.177/2022-HĐCVHM/NHCT720-HUỖNH HỒNG TRẮNG ngày 05/10/2022, giữa **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** với bà **Huỳnh Hồng T1** và ông **Nguyễn Phú H**, kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong; công nhận 02 hợp đồng thế chấp theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** yêu cầu bà **Huỳnh Hồng T1** và ông **Nguyễn Phú H** có trách nhiệm liên đới trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** số tiền vay còn thiếu gốc 8.970.989.532đồng, tiền lãi 1.109.593.018đồng, tổng cộng 10.080.582.550đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 01.177/2022-HĐCVHM/NHCT720-HUỖNH HỒNG TRẮNG ngày 05/10/2022 cho đến khi thi hành án xong; yêu cầu công nhận các hợp đồng thế chấp nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ

pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đang cư trú tại **ấp B, xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp**. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là bà **Huỳnh Hồng T1** và ông **Nguyễn Phú H** đều được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[4] Đối với yêu cầu về tiền vay của nguyên đơn, xét thấy: Căn cứ vào hợp đồng cho vay hạn mức số 01.177/2022-HĐCVHM/NHCT720-HUỖNH HỒNG TRẮNG ngày 05/10/2022, giữa **Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Đ** với bà **Huỳnh Hồng T1** (Chủ hộ kinh doanh **Hào Thiên P**) và ông **Nguyễn Phú H** đã ký kết, Ngân hàng cho bà **Huỳnh Hồng T1** (Chủ hộ kinh doanh **Hào T**) và ông **Nguyễn Phú H** vay số tiền 12.000.000.000đồng (Theo các giấy nhận nợ ngày 04/04/2023; 21/04/2023; 26/04/2023; 28/04/2023; 10/05/2023; 12/05/2023; 17/05/2023; 30/05/2023); thời hạn vay: 06 tháng (Thời hạn trả nợ gốc theo từng giấy nhận nợ, trả nợ lãi hàng tháng vào ngày 25); mục đích vay là bán hàng trang trí nội thất.

[5] Trong quá trình thực hiện hợp đồng cho vay thì bà **Huỳnh Hồng T1** (Chủ hộ kinh doanh **Hào Thiên P**) và ông **Nguyễn Phú H** đã vi phạm nhiều lần về nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng; đồng thời, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho bà **Huỳnh Hồng T1** (Chủ hộ kinh doanh **Hào T**), ông **Nguyễn Phú H** và đã ký nhận trực tiếp các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải,... nhưng bà **Huỳnh Hồng T1** (Chủ hộ kinh doanh **Hào Thiên P**) và ông **Nguyễn Phú H** vẫn không đến Tòa án, không có ý kiến phản đối với yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

[6] Đối với yêu cầu công nhận các hợp đồng thế chấp, xét thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01.177/2022/HĐBĐ/NHCT720, ngày 05/10/2022 giữa **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** với bà **Huỳnh Hồng T1** (Chủ hộ kinh doanh **Hào Thiên P**) và ông **Nguyễn Phú H**; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01.178/2022/HĐBĐ/NHCT720, ngày 05/10/2022 giữa **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** với bà **Huỳnh Hồng T1** (Chủ hộ kinh doanh **Hào Thiên P**) và ông **Nguyễn Phú H** đều có công chứng và đã đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất tại Chi nhánh **Văn phòng Đăng ký đất đai huyện H** là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** là có chứng cứ, nên chấp nhận.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải liên đới trả cho nguyên đơn tiền gốc, tiền lãi và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức nêu trên, kể từ ngày 27/8/2024 cho đến khi thi hành án xong; công nhận 02 hợp đồng thế chấp theo quy định của pháp luật. là có chứng cứ, nên chấp nhận.

[9] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2, 9 Điều 26 của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9.1] Nguyên đơn là **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[9.2] Bị đơn là bà **Huỳnh Hồng T1** và ông **Nguyễn Phú H** phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.000.000đồng + 0,1% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt 4.000.000.000đồng (0,1% x 6.080.582.550đồng = 6.080.582,55đồng), tổng cộng 118.080.582,55đồng đồng, lấy tròn 118.080.600đồng.

[10] Xét về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn là **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** không phải chịu chi phí, nhưng nguyên đơn đã tạm ứng trước và chi xong; bị đơn là bà **Huỳnh Hồng T1** và ông **Nguyễn Phú H** phải liên đới chịu chi phí là 3.000.000đồng, nhưng do Ngân hàng đã tạm ứng và chi xong, nên bị đơn phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 3.000.000đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2, 9 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà **Huỳnh Hồng T1** (Chủ hộ kinh doanh **Hào Thiên P**) và ông **Nguyễn Phú H** phải liên đới trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** số tiền vay còn thiếu gốc 8.970.989.532đồng, tiền lãi 1.109.593.018đồng, tổng cộng 10.080.582.550đồng (Mười tỷ không trăm tám mươi triệu năm trăm tám mươi hai nghìn năm trăm năm mươi đồng) và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01.177/2022-HĐCVHM/NHCT720-HUỖNH HỒNG TRẮNG ngày 05/10/2022, giữa **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** với bà

**Huỳnh Hồng T1** (Chủ hộ kinh doanh **Hào Thiên P**) và ông **Nguyễn Phú H**, kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong.

Công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01.177/2022/HĐBĐ/NHCT720 đề ngày 05/10/2022, bên thế chấp là bà **Huỳnh Hồng T1** (Chủ hộ kinh doanh **Hào T**) và ông **Nguyễn Phú H**, bên nhận thế chấp là **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** với bà **Huỳnh Hồng T1** (Chủ hộ kinh doanh **Hào Thiên P**) và ông **Nguyễn Phú H**, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 100m<sup>2</sup>, thửa đất số 01, tờ bản đồ số 24, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 665638, cấp ngày 06/02/2020 do bà **Huỳnh Hồng T1** đứng tên giấy chứng nhận, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 10 năm 2022.

Công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01.178/2022/HĐBĐ/NHCT720 đề ngày 05/10/2022, bên thế chấp là bà **Huỳnh Hồng T1** (Chủ hộ kinh doanh **Hào T**) và ông **Nguyễn Phú H**, bên nhận thế chấp là **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** với bà **Huỳnh Hồng T1** (Chủ hộ kinh doanh **Hào Thiên P**) và ông **Nguyễn Phú H**, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 214,1m<sup>2</sup>, thửa đất số 924, tờ bản đồ số 8, mục đích sử dụng đất ở diện tích 206,6m<sup>2</sup> và đất chuyên trồng lúa nước diện tích 7,5m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 576195, cấp ngày 20/01/2020; quyền sử dụng đất diện tích 211,8m<sup>2</sup>, thửa đất số 925, tờ bản đồ số 8, mục đích sử dụng đất ở diện tích 204,3m<sup>2</sup> và đất chuyên trồng lúa nước diện tích 7,5m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 576191, cấp ngày 20/01/2020; quyền sử dụng đất diện tích 1.952,8m<sup>2</sup>, thửa đất số 817, tờ bản đồ số 8, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 576192, cấp ngày 20/01/2020; quyền sử dụng đất diện tích 217,7m<sup>2</sup>, thửa đất số 926, tờ bản đồ số 8, mục đích sử dụng đất ở diện tích 177m<sup>2</sup> và đất chuyên trồng lúa nước diện tích 40,7m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 576193, cấp ngày 20/01/2020; quyền sử dụng đất diện tích 246,9m<sup>2</sup>, thửa đất số 818, tờ bản đồ số 8, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 576194, cấp ngày 20/01/2020 đều do bà **Huỳnh Hồng T1** đứng tên giấy chứng nhận, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 10 năm 2022. Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực, bà **Huỳnh Hồng T1** và ông **Nguyễn Phú H** không thực hiện trả số tiền 10.080.582.550 đồng (Mười tỷ không trăm tám mươi triệu năm trăm tám mươi hai nghìn năm trăm năm mươi đồng) và lãi phát sinh thêm (nếu có) cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C**, Cơ quan thi hành án dân sự có quyền xử lý tài sản đã thế chấp trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01.177/2022/HĐBĐ/NHCT720 và 01.178/2022/HĐBĐ/NHCT720 đề ngày 05/10/2022 nêu trên để thi hành án theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C 58.635.000đồng (Năm mươi tám triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (T2 bằng chuyên khoản) theo biên lai số: 0001985 ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Huỳnh Hồng T1 (Chủ hộ kinh doanh Hào Thiên P) và ông Nguyễn Phú H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 118.080.600đồng đồng (Một trăm mười tám triệu không trăm tám mươi nghìn sáu trăm đồng).

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn là bà Huỳnh Hồng T1 và ông Nguyễn Phú H phải liên đới chịu chi phí là 3.000.000đồng, nhưng do Ngân hàng đã tạm ứng và chi xong, nên bị đơn phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 3.000.000đồng (Ba triệu đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26 tháng 8 năm 2024). Đối với bà Huỳnh Hồng T1 (Chủ hộ kinh doanh Hào Thiên P) và ông Nguyễn Phú H có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thành phố Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Trung**